CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG VTC

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

cho năm tài chính 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG VTC
Lầu 3, số 750, Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: 08. 3833 1106 Fax: 08.3830 0253

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02 - 05
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	06 - 07
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	08 - 09
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	10
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	11
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	12 - 28

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Chúng tôi, các thành viên Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Viễn thông VTC trình bày Báo cáo của Ban Giám đốc cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính 2012.

Khái quát chung về Công ty

Công ty Cổ phần Viễn thông VTC (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được thành lập từ việc cổ phần hóa một bộ phận doanh nghiệp Nhà nước của Công ty Thiết bị điện thoại là "Trung tâm nghiên cứu sản xuất và bảo dưỡng thiết bị thông tin 1 (VTC1)" theo Quyết định số 618/1999/QĐ-TCCB ngày 08/09/1999 của Tổng cục trưởng Tổng cục Bưu điện. Công ty Cổ phần Viễn thông VTC hiện nay hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 14 số 0301888195 ngày 23/07/2010 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn kinh doanh của Công ty:

Vốn điều lệ của Công ty: **45.346.960.000 VND** (Bốn mươi lăm tỷ, ba trăm bốn mươi sáu triệu, chín trăm sáu mươi nghìn đồng)

Số TT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân, trụ sở chính của tổ chức	Số cổ phần
1.	Đại diện vốn nhà nước Đại diện: Trần Viết Tống Đại diện: Lê Văn Giảng	270B/9/22/5 Lý Thường Kiệt, Phường 6, Quận Tân Bình 300/52 Nguyễn Văn Linh, Khu phố 4, Tổ 31, Phường Bình Thuận, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh	67.500
2.	Phạm Hoàng Tuấn	03 Phan Đình Phùng, Phường 2, Thị xã Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh	2.726
3.	Đại diện vốn cổ đông Đoàn Văn Duẩn	H10-D3 Văn Thánh Bắc, Phường 15, Quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh	2.500
4.	Đỗ Văn Trắc	70 Huỳnh Tịnh Của, Phường 8, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh	1.650
5.	Và 211 cổ đông khác		75.624

Các Công ty con do Công ty nắm giữ trên 50% vốn điều lệ gồm có:

Tên đơn vị	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu	Địa chỉ
Công ty Cổ phần Công nghệ Tích Hợp (ITE)	74,96%	51%	750 Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, Tp. Hồ Chí Minh
Công ty TNHH Đầu tư và phát triển Công nghệ thông minh (STID)	60%	60%	Lô I-3b-4-a, Đường N6, Khu công nghệ cao, Phường Tân Phú, Quận 9, Tp. Hồ Chí Minh

Số vốn góp vào Công ty Cổ phần Công nghệ Tích Hợp (ITE) có thể bị thay đổi vì đang trong giai đoạn góp vốn.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC
(tiếp theo)

Đầu tư vào Công ty liên kết

Tên đơn vị	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ biểu quyết	Địa chỉ
Công ty Cổ phần Dịch vụ công nghệ Sao Bắc Đẩu	30%	30%	GH số T3 - B4L, Tầng hầm, Tòa nhà Topaz, Số 92 Nguyễn Hữu Cảnh, Phường 22, Quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty

- Nghiên cứu, SX và lắp ráp các thiết bị bưu chính, viễn thông, điện, điện tử và tin học;
- Xây dựng, Lắp ráp, bảo dưỡng, sửa chữa, hỗ trợ vận hành các công trình viễn thông, điện, điện tử và tin học.
- Chuyển giao kỹ thuật công nghệ chuyên ngành viễn thông, điện, điện tử và tin học;
- Xuất nhập khẩu phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Kinh doanh các ngành nghề kỹ thuật, dịch vụ khác phù hợp với quy định của Pháp luật Việt Nam;
- Cho thuê tài sản hoạt động, cho thuê các sản phẩm, thiết bị bưu chính viễn thông, điện, điện tử và tin học;
- Sản xuất các loại thẻ (card) dùng trong lĩnh vực: tin học, viễn thông, bảo vệ và các ứng dụng khác. In offset;
- In offset, in nhiệt… trên thẻ;
- Viết phần mềm;
- Sản xuất, mua bán sửa chữa, bảo hành, bảo dưỡng các loại thẻ, thiết bị phần cứng, phần mềm phục vụ ứng dụng thẻ. Mua bán camera quan sát, cửa sử dụng khoá điện tử, khoá điện tử, văn phòng phẩm, máy móc và nguyên vật liệu sản xuất thẻ. Đại lý ký gửi hàng hoá
- In offset trên bao bì. Nghiên cứu lắp đặt, sửa chữa, bảo dưỡng, nâng cấp hỗ trợ vận hành các thiết bị, công trình bưu chính, viễn thông, điện-điện tử, tin học, các động cơ nổ và thiết bị lạnh;
- Cho thuê thiết bị động cơ nổ và thiết bị lạnh;
- Đại lý cung cấp và phát triển các dịch vụ viễn thông sử dụng công nghệ CDMA và PHS (IPAS). Mua bán các loại máy thiết bị đầu cuối dùng cho mạng viễn thông sử dụng công nghệ CDMA và PHS (IPAS);
- Đại lý phân phối sản phẩm cáp và vật liệu viễn thông;
- Tư vấn giám định tổn thất công trình, thiết bị bưu chính, viễn thông, điện tử, tin học;
- Sản xuất lắp ráp, mua bán, sửa chữa điện thoại di động, các thiết bị phần cứng phần mềm của điện thoại di động.
- Mua bán, lắp đặt, sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị đầu cuối dùng trong viễn thông;
- Mua bán máy móc thiết bị văn phòng, thiết bị điện, điện tử, tin học, điện lạnh, các loại dùng trong viễn thông;
- Đại lý mua bán hàng hóa;
- Đại lý cung cấp dịch vụ bưu chính viễn thông;
- Dịch vụ giá trị gia tăng trên mạng viễn thông internet;
- Xây dựng cơ sở hạ tầng công trình viễn thông.
- Tư vấn quản lý khảo sát các công trình bưu chính, viễn thông, điện tử, tin học.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC
(tiếp theo)

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc điều hành Công ty cho năm tài chính 2012 đến ngày lập Báo cáo tài chính, gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Trần Viết Tống	Chủ tịch
Ông Lê Văn Giảng	Ủy viên
Ông Võ Hùng Tiến	Ủy viên
Ông Lê Xuân Tiến	Ủy viên
Ông Hồ Lê Nhật Hoan	Ủy viên

Ban kiểm soát

Ông Nguyễn Minh Trí
Ông Nguyễn Huỳnh Toại
Ông Nguyễn Văn Xuân

Ban Giám đốc

Ông Trần Viết Tống	Tổng giám Đốc
Ông Lê Xuân Tiến	Phó Tổng giám Đốc

Kiểm toán viên

Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2012 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam - Chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh.

Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2012.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2012 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31/12/2012 và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC
(tiếp theo)

Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán đang áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính giữa niên độ này hay không; và
- Lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi việc tiếp tục hoạt động của Công ty không được đảm bảo.

Ban Giám đốc có trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp, đầy đủ để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG VTC

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG VTC

Trần Viết Tống
Tổng giám đốc
TP.Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 03 năm 2013

Số : 43011 /TC-HCM-VAE

TP Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 03 năm 2013

BÁO CÁO KIỂM TOÁN
về Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2012
của Công ty Cổ phần Viễn thông VTC

Kính gửi: **Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc**
Công ty Cổ phần Viễn thông VTC

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính 2012 được lập ngày 01 tháng 03 năm 2013 của Công ty Cổ phần Viễn thông VTC (gọi tắt là 'Công ty') từ trang 08 đến trang 28 kèm theo. Báo cáo tài chính đã được lập theo các chính sách kế toán trình bày trong Thuyết minh Phần IV của Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính năm 2011 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư Vấn Đất Việt.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và của Kiểm toán viên

Theo qui định của Chế độ kế toán Việt Nam và như đã trình bày từ trang 02 đến trang 03, Ban Giám đốc của Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính một cách trung thực và hợp lý. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến độc lập về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán và báo cáo ý kiến của chúng tôi cho Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Viễn thông VTC.

Cơ sở đưa ra ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý là các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng thử nghiệm các cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành (hoặc được chấp nhận), các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Viễn thông VTC đến 31/12/2012:

a. Đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính tại ngày 31/12/2012, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày; và

b. Phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành cũng như các quy định pháp lý có liên quan.

Báo cáo kiểm toán được lập thành tám (08) bản bằng tiếng Việt và sáu (06) bản bằng tiếng Anh. Công ty Cổ phần Viễn thông VTC giữ bảy (07) bản tiếng Việt và năm (05) bản tiếng Anh , Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh giữ một (01) bản tiếng Việt và một (01) bản tiếng Anh. Các bản có giá trị pháp lý như nhau.

Huỳnh Văn Dũng
Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: Đ0047/KTV
Thay mặt và đại diện cho,
Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam
Chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh

Âu Dương Uyển Phấn
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 1347/KTV

Mẫu B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
A TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	**100**		**23.906.873.004**	**28.835.259.316**
I Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**		**464.706.597**	**2.056.009.188**
1 Tiền	111	V.1.	464.706.597	2.056.009.188
II Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		**115.000.000**	**660.000.000**
1 Đầu tư ngắn hạn	121		115.000.000	660.000.000
III Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**13.080.782.492**	**14.189.501.759**
1 Phải thu của khách hàng	131		7.995.877.166	11.132.976.775
2 Trả trước cho người bán	132		1.176.155.643	623.924.220
4 Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134		3.747.701.967	2.019.275.591
5 Các khoản phải thu khác	135	V.2.	226.023.716	741.868.444
6 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(64.976.000)	(328.543.271)
IV Hàng tồn kho	**140**		**5.344.952.365**	**7.527.879.574**
1 Hàng tồn kho	141	V.3.	5.344.952.365	7.527.879.574
V Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**4.901.431.550**	**4.401.868.795**
2 Thuế GTGT được khấu trừ	152		82.861.290	-
4 Tài sản ngắn hạn khác	158		4.818.570.260	4.401.868.795
B TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	**200**		**33.284.104.762**	**33.867.660.090**
I Các khoản phải thu dài hạn	**210**		-	-
II Tài sản cố định	**220**		**3.292.977.400**	**3.522.944.610**
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V.4.	2.592.977.400	3.522.944.610
- Nguyên giá	222		16.246.833.558	16.113.950.256
- Giá trị hao mòn luỹ kế	223		(13.653.856.158)	(12.591.005.646)
3 Tài sản cố định vô hình	227	V.5.	-	-
- Nguyên giá	228		216.790.883	216.790.883
- Giá trị hao mòn luỹ kế	229		(216.790.883)	(216.790.883)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		700.000.000	-
III Bất động sản đầu tư	**240**		-	-
IV Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	**250**		**27.702.978.823**	**27.402.978.823**
1 Đầu tư vào công ty con	251		21.702.978.823	21.402.978.823
2 Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		6.000.000.000	6.000.000.000
V Tài sản dài hạn khác	**260**		**2.288.148.539**	**2.941.736.657**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.6.	1.821.277.815	1.897.981.640
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		136.949.310	135.560.836
3. Tài sản dài hạn khác	268		329.921.414	908.194.181
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (280=100+200)	**270**		**57.190.977.766**	**62.702.919.406**

Mẫu B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
A NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	**300**		**9.932.319.544**	**11.416.295.523**
I Nợ ngắn hạn	**310**		**9.513.349.544**	**11.014.875.523**
1 Vay và nợ ngắn hạn	311		-	112.200.000
2 Phải trả người bán	312		4.985.490.871	6.056.687.107
4 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.7.	1.053.169.991	121.525.174
5 Phải trả người lao động	315		81.256.264	525.391.625
6 Chi phí phải trả	316	V.8.	1.998.391.849	886.995.558
7 Phải trả nội bộ	317		-	-
8 Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐXD	318		411.344.236	779.390.564
9 Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.9.	893.606.248	2.419.300.410
11 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		90.090.085	113.385.085
II Nợ dài hạn	**330**		**418.970.000**	**401.420.000**
8 Doanh thu chưa thực hiện	338		418.970.000	401.420.000
B VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	**400**		**47.258.658.222**	**51.286.623.883**
I Vốn chủ sở hữu	**410**		**47.258.658.222**	**51.286.623.883**
1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.10.	45.346.960.000	45.346.960.000
2 Thặng dư vốn cổ phần	412	V.10.	200.264.000	200.264.000
4 Cổ phiếu quỹ (*)	414	V.10.	(55.530.000)	(55.530.000)
7 Quỹ đầu tư phát triển	417		3.788.928.136	3.788.928.136
8 Quỹ dự phòng tài chính	418		2.026.838.547	2.026.838.547
9 Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		1.015.194.744	1.015.194.744
10 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.10.	(5.063.997.205)	(1.036.031.544)
II Nguồn kinh phí và quỹ khác	**430**		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	**440**		**57.190.977.766**	**62.702.919.406**

TP.Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 03 năm 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG VTC

Kế toán trưởng	**Tổng giám đốc**
Trần Thị Phương Sương	**Trần Viết Tống**

Mẫu B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2012

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**	**VI.11.**	**17.619.548.087**	**29.029.241.184**
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	**10**		**17.619.548.087**	**29.029.241.184**
4 Giá vốn hàng bán	**11**	**VI.12.**	**15.486.045.997**	**27.659.989.932**
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	**20**		**2.133.502.090**	**1.369.251.252**
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.13.	211.610.078	695.453.592
7 Chi phí tài chính	22	VI.14.	50.683.224	566.008.897
Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		*10.385.863*	*257.101.390*
8 Chi phí bán hàng	24	VI.15.	2.403.163.161	3.819.535.566
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.16.	3.816.418.208	5.908.442.767
10 Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	**30**		**(3.925.152.425)**	**(8.229.282.386)**
11 Thu nhập khác	31	VI.17.	579.675.542	429.586.585
12 Chi phí khác	32	VI.18.	683.877.252	-
13 Lợi nhuận khác (40=31-32)	**40**		**(104.201.710)**	**429.586.585**
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40+45)	**50**		**(4.029.354.135)**	**(7.799.695.801)**
15 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		-	-
16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(1.388.474)	-
17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập DN (60=50-51-52)	**60**		**(4.027.965.661)**	**(7.799.695.801)**
18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**70**		**(966)**	**(1.926)**

TP.Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 03 năm 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG VTC

Kế toán trưởng	Tổng giám đốc
Trần Thị Phương Sương	Trần Viết Tống

Mẫu B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2012	Năm 2011
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	***1***	***(4.029.354.135)***	***(7.799.695.801)***
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	2	1.067.068.443	1.579.527.451
- Các khoản dự phòng	3	(263.567.271)	263.567.271
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	4	-	(56.295.427)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	5	(184.129.436)	(167.041.728)
- Chi phí lãi vay	6	10.385.863	257.101.390
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	***8***	***(3.399.596.536)***	***(5.922.836.844)***
- Tăng, giảm các khoản phải thu	9	785.396.635	17.203.405.737
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	2.182.927.209	43.566.008
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(1.432.730.732)	(3.957.830.011)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	76.703.825	(3.746.861)
- Tiền lãi vay phải trả	13	(10.385.863)	(257.101.390)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(734.177.959)	(243.024.836)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	1.466.477.627	924.767.822
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(705.745.000)	(1.722.469.211)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***20***	***(1.771.130.794)***	***6.064.730.414***
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(140.106.365)	(484.448.072)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	3.005.132	113.132.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(115.000.000)	(660.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị	24	660.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(300.000.000)	(1.436.114.846)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	184.129.436	53.909.728
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***	***292.028.203***	***(2.413.521.190)***

Mẫu B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)
Năm 2012
(tiếp theo)

III.	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính**			
3.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	2.537.671.196
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(112.200.000)	(6.050.095.972)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***	***(112.200.000)***	***(3.512.424.776)***
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	**50**	**(1.591.302.591)**	**138.784.448**
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	**60**	**2.056.009.188**	**1.918.051.744**
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	(827.004)
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	**70**	**464.706.597**	**2.056.009.188**

TP.Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 03 năm 2013

Kế toán trưởng	**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG VTC** **Tổng giám đốc**
Trần Thị Phương Sương	**Trần Viết Tống**

Mẫu B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2012

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Viễn thông VTC (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được thành lập từ việc cổ phần hóa một bộ phận doanh nghiệp Nhà nước của Công ty Thiết bị điện thoại là "Trung tâm nghiên cứu sản xuất và bảo dưỡng thiết bị thông tin 1 (VTC1)" theo Quyết định số 618/1999/QĐ-TCCB ngày 08/09/1999 của Tổng cục trưởng Tổng cục Bưu điện. Công ty Cổ phần Viễn thông VTC hiện nay hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 14 số 0301888195 ngày 23/07/2010 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ của Công ty: 45.346.960.000 VND (Bốn mươi lăm tỷ, ba trăm bốn mươi sáu triệu, chín trăm sáu mươi nghìn đồng)

Các Công ty con được hợp nhất bao gồm:

Tên đơn vị	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Địa chỉ
Công ty Cổ phần Công nghệ Tích Hợp (ITE)	74,96%	51%	750 Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, Tp. Hồ Chí Minh
Công ty TNHH Đầu tư và phát triển Công nghệ thông minh (STID)	60%	60%	Lô I-3b-4-a, Đường N6, Khu công nghệ cao, Phường Tân Phú, Quận 9, Tp. Hồ Chí Minh

Đầu tư vào Công ty liên kết

Tên đơn vị	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Địa chỉ
Công ty Cổ phần Dịch vụ công nghệ Sao Bắc Đẩu	30%	30%	GH số T3 - B4L, Tầng hầm, Tòa nhà Topaz, Số 92 Nguyễn Hữu Cảnh, Phường 22, Quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp, kinh doanh dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Nghiên cứu, SX và lắp ráp các thiết bị bưu chính, viễn thông, điện, điện tử và tin học;
- Xây dựng, Lắp ráp, bảo dưỡng, sửa chữa, hỗ trợ vận hành các công trình viễn thông, điện, điện tử và tin học.
- Chuyển giao kỹ thuật công nghệ chuyên ngành viễn thông, điện, điện tử và tin học;
- Xuất nhập khẩu phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Kinh doanh các ngành nghề kỹ thuật, dịch vụ khác phù hợp với quy định của Pháp luật Việt Nam;
- Cho thuê tài sản hoạt động, cho thuê các sản phẩm, thiết bị bưu chính viễn thông, điện, điện tử và tin học;
- Sản xuất các loại thẻ (card) dùng trong lĩnh vực: tin học, viễn thông, bảo vệ và các ứng dụng khác. In offset;
- In offset, in nhiệt… trên thẻ;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2012
(tiếp theo)

- Viết phần mềm;
- Sản xuất, mua bán sửa chữa, bảo hành, bảo dưỡng các loại thẻ, thiết bị phần cứng, phần mềm phục vụ ứng dụng thẻ. Mua bán camera quan sát, cửa sử dụng khoá điện tử, khoá điện tử, văn phòng phẩm, máy móc và nguyên vật liệu sản xuất thẻ. Đại lý ký gửi hàng hoá
- In offset trên bao bì. Nghiên cứu lắp đặt, sửa chữa, bảo dưỡng, nâng cấp hỗ trợ vận hành các thiết bị, công trình bưu chính, viễn thông, điện-điện tử, tin học, các động cơ nổ và thiết bị lạnh;
- Cho thuê thiết bị động cơ nổ và thiết bị lạnh;
- bán các loại máy thiết bị đầu cuối dùng cho mạng viễn thông sử dụng công nghệ CDMA và PHS (IPAS);
- Đại lý phân phối sản phẩm cáp và vật liệu viễn thông;
- Tư vấn giám định tổn thất công trình, thiết bị bưu chính, viễn thông, điện tử, tin học;
- Sản xuất lắp ráp, mua bán, sửa chữa điện thoại di động, các thiết bị phần cứng phần mềm của điện thoại di động.
- Mua bán, lắp đặt, sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị đầu cuối dùng trong viễn thông;
- Mua bán máy móc thiết bị văn phòng, thiết bị điện, điện tử, tin học, điện lạnh, các loại dùng trong viễn thông;
- Đại lý mua bán hàng hóa;
- Đại lý cung cấp dịch vụ bưu chính viễn thông;
- Dịch vụ giá trị gia tăng trên mạng viễn thông internet;
- Xây dựng cơ sở hạ tầng công trình viễn thông.
- Tư vấn quản lý khảo sát các công trình bưu chính, viễn thông, điện tử, tin học.

Địa chỉ: Lầu 3, số 750, Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: 08. 3833 1106 Fax: 08.3830 0253

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo phương pháp giá gốc, phù hợp với các quy định của Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003 và Chuẩn mực kế toán số 01 – Chuẩn mực chung.

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính.

Mẫu B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2012
(tiếp theo)

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức ghi sổ trên máy vi tính, sử dụng phần mềm kế toán EFFECT.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó đến thời điểm lập Báo cáo tài chính, phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán số 24 – Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

Phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán

Các khoản tiền có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế. Tại thời điểm kết thúc năm tài chính số dư các khoản tiền có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam công bố tại thời điểm khoá sổ lập Báo cáo tài chính.

2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

- ***Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho***

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm:Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

- ***Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho cuối kỳ:*** Bình quân gia quyền

- ***Phương pháp hạch toán hàng tồn kho*** : Phương pháp kê khai thường xuyên

- ***Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:***

Tại thời điểm 31/12/2012, Công ty không trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2012
(tiếp theo)

3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

3.1 Nguyên tắc ghi nhận phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 203/2009/QĐ - BTC ngày 20/10/2009 về việc Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế bao gồm giá thành thực tế của tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế và chi phí lắp đặt chạy thử.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

Loại tài sản cố định	Thời gian khấu hao <năm >
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50
Máy móc, thiết bị	4 - 5
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	6
Thiết bị, dụng cụ quản lý	4 - 5

3.2 Nguyên tắc ghi nhận phương pháp khấu hao TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm kế toán và phần mềm cài đặt máy IBM (SRV-IML)

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 203/2009/QĐ - BTC ngày 20/10/2009 về việc Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định vô hình. Kế toán TSCĐ vô hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

Loại tài sản cố định	Thời gian khấu hao <năm >
Phần mềm kế toán	4
Phần mềm cài đặt máy IBM	6

Mẫu B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2012
(tiếp theo)

4. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay
Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay

Các khoản vay ngắn hạn của Công ty được ghi nhận theo hợp đồng, khế ước vay, phiếu thu, phiếu chi và chứng từ ngân hàng.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính. Riêng chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán số 16 – Chi phí đi vay.

5. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả của Công ty là các khoản được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ nhưng thực tế chưa chi trả trong kỳ này; các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được tính trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ dựa trên hợp đồng đã ký kết với nhà thầu phụ để ghi nhận chi phí tương ứng với việc ghi nhận doanh thu.

6. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu là vốn bổ sung từ các quỹ, từ lợi nhuận sau thuế của hoạt động kinh doanh.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

7. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu từ hoạt động cung cấp lắp đặt các thiết bị viễn thông, xây dựng công trình viễn thông, bán thẻ ...; Doanh thu từ tiền lãi tiền gửi.

Doanh thu bán hàng hoá, sản phẩm được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc dồn tích, ghi nhận khi chuyển giao hàng hoá cho khách hàng, phát hành hoá đơn và được khách hàng chấp nhận thanh toán, phù hợp với 5 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực số 14 – " Doanh thu và thu nhập khác".

Doanh thu cung cấp dịch vụ được xác định khi dịch vụ hoàn thành, đã có nghiệm thu, thanh lý, đã phát hành hoá đơn và được khách hàng chấp nhận thanh toán, phù hợp với 4 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực số 14 – " Doanh thu và thu nhập khác". Phần công việc đã hoàn thành của dịch vụ cung cấp được xác định theo phương pháp tỷ lệ hoàn thành.

Mẫu B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2012
(tiếp theo)

Doanh thu các dự án cung cấp, xây lắp được xác định theo giá trị khối lượng thực hiện, được khách hàng xác nhận bằng nghiệm thu, quyết toán, đã phát hành hoá đơn GTGT, phù hợp với quy định tại Chuẩn mực số 15 – " Hợp đồng xây dựng".

Doanh thu từ tiền lãi tiền gửi, được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực số 14 – " Doanh thu và thu nhập khác".

Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong kỳ.

8. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay, chênh lệch tỷ giá.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

10. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

10.1 Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu, phải trả

Nguyên tắc xác định khoản phải thu khách hàng dựa theo Hợp đồng và ghi nhận theo Hoá đơn bán hàng xuất cho khách hàng.

Khoản trả trước cho người bán được hạch toán căn cứ vào phiếu chi, chứng từ ngân hàng và Hợp đồng kinh tế.

Nguyên tắc xác định khoản phải trả người bán dựa theo Hợp đồng, phiếu nhập kho và ghi nhận theo Hoá đơn mua hàng của bên mua.

Khoản người mua trả trước được ghi nhận căn cứ vào hợp đồng, phiếu thu, chứng từ ngân hàng.

Dự phòng phải thu khó đòi được công ty trích lập theo tuổi nợ của từng khoản nợ cụ thể: Trích 30% đối với khoản nợ quá hạn thanh toán từ 6 tháng đến 1 năm, từ 1 - 2 năm trích lập 50%, từ 2-3 năm là 70% và từ 3 năm trở lên được xử lý như một khoản tổn thất.

10.2 Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hay bất kỳ mục đích nào được ghi nhận theo giá gốc, tại thời điểm có nghiệm thu, quyết toán từng hạng mục công trình, công trình hoặc khi chi phí thực tế phát sinh có đầy đủ hoá đơn, chứng từ hợp pháp.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2012
(tiếp theo)

10.3 Nguyên tắc ghi nhận các khoản vay ngắn hạn, dài hạn

Các khoản vay ngắn hạn, dài hạn được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các khế ước vay và các hợp đồng vay. Các khoản vay có thời hạn từ 1 năm tài chính trở xuống được Công ty ghi nhận là vay ngắn hạn. Các khoản vay có thời hạn trên 1 năm tài chính được Công ty ghi nhận là vay dài hạn.

10.4 Các nghĩa vụ về thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)

Doanh nghiệp áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất thuế GTGT 0% đối với các lô hàng xuất khẩu, 5% đối với một số mặt hàng thiết bị viễn thông, sản phẩm khác, 10% đối với hoạt động bán thẻ, cung cấp, lắp đặt thiết bị viễn thông.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 25% trên lợi nhuận chịu thuế.

Việc xác định thuế Thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế Thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

10.5 Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hoá, vật tư xuất bán cho khách hàng, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

Giá vốn dịch vụ được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh để hoàn thành dịch vụ, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

Mẫu B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2012
(tiếp theo)

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

1. Tiền

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Tiền mặt	37.647.586	1.640.145
Tiền gửi ngân hàng	427.059.011	2.054.369.043
Cộng	**464.706.597**	**2.056.009.188**

2. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Phải thu người lao động	3.690.515	11.030.770
Phải thu BHXH	-	17.816.587
Thuế nhập khẩu thiết bị mua ngoài	-	263.567.271
Phải thu khác	222.333.201	449.453.816
Cộng	**226.023.716**	**741.868.444**

3. Hàng tồn kho

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Nguyên liệu, vật liệu	1.112.386.320	1.140.359.134
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	802.857.063	3.641.915.644
Thành phẩm	93.904.300	93.904.300
Hàng hoá	2.582.879.389	2.569.687.203
Hàng gửi đi bán	752.925.293	82.013.293
Cộng giá gốc hàng tồn kho	**5.344.952.365**	**7.527.879.574**

Mẫu B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2012
(tiếp theo)

4. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số dư ngày 01/01/2012	**2.528.620.600**	**7.523.589.814**	**3.989.526.452**	**2.072.213.390**	**16.113.950.256**
Mua trong kỳ	-	65.000.000	-	75.106.365	140.106.365
Tăng khác	-	-	4.797.477	-	4.797.477
Giảm khác	-	-	-	(12.020.540)	(12.020.540)
Số dư ngày 31/12/2012	**2.528.620.600**	**7.588.589.814**	**3.994.323.929**	**2.135.299.215**	**16.246.833.558**
Giá trị hao mòn luỹ kế					
Số dư ngày 01/01/2012	**885.017.220**	**6.479.290.738**	**3.191.162.547**	**2.035.535.141**	**12.591.005.646**
Khấu hao trong kỳ	252.862.064	514.856.662	257.072.815	42.276.902	1.067.068.443
Giảm khác	-	-	(4.217.931)	-	(4.217.931)
Số dư ngày 31/12/2012	**1.137.879.284**	**6.994.147.400**	**3.444.017.431**	**2.077.812.043**	**13.653.856.158**
Giá trị còn lại					
Tại ngày 01/01/2012	**1.643.603.380**	**1.044.299.076**	**798.363.905**	**36.678.249**	**3.522.944.610**
Tại ngày 31/12/2012	**1.390.741.316**	**594.442.414**	**550.306.498**	**57.487.172**	**2.592.977.400**

Mẫu B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2012
(tiếp theo)

5. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Chỉ tiêu	Phần mềm	Tổng cộng
Nguyên giá		
Số dư ngày 01/01/2012	**216.790.883**	**216.790.883**
Tăng khác	-	-
Số dư ngày 31/12/2012	**216.790.883**	**216.790.883**
Giá trị hao mòn luỹ kế		
Số dư ngày 01/01/2012	**216.790.883**	**216.790.883**
Khấu hao trong kỳ	-	-
Số dư ngày 31/12/2012	**216.790.883**	**216.790.883**
Giá trị còn lại		
Tại ngày 01/01/2012	-	-
Tại ngày 31/12/2012	-	-

6. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Tiền thuê đất khu công nghệ cao từ 2010 tới 2044	1.803.506.232	1.803.506.232
Chi phí sửa chữa văn phòng	17.771.583	94.475.408
Cộng	**1.821.277.815**	**1.897.981.640**

7. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Thuế GTGT đầu ra	725.252.963	90.325.106
Thuế thu nhập doanh nghiệp	66.699.753	-
Thuế thu nhập cá nhân	9.484.501	31.200.068
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	251.732.774	-
Cộng	**1.053.169.991**	**121.525.174**

8. Chi phí phải trả

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Dự án LD 290 Vinaphone (Site survey + BSC + BTS)	208.704.900	208.704.900
Dự án BTS Gtel Huawei Việt Nam - năm 2009	243.423.488	243.423.488
Dự án HT Mobile huawei	1.546.263.461	77.212.625
Tiền tiền thuê nhà Quý 1/2012	-	275.454.545
Lắp đặt tổng đài, công trình CNHN	-	82.200.000
Cộng	**1.998.391.849**	**886.995.558**

Mẫu B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2012
(tiếp theo)

9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Kinh phí công đoàn	334.595.615	363.953.157
Bảo hiểm y tế	26.470.553	18.144.006
Bảo hiểm thất nghiệp	17.737.163	13.815.397
Bảo hiểm xã hội	22.392.953	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	492.409.964	2.023.387.850
Cộng	**893.606.248**	**2.419.300.410**

Mẫu B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2012
(tiếp theo)

10. Vốn chủ sở hữu

10.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
A	1	2	3	4	5
Số dư tại ngày 01/01/2011	**45.346.960.000**	**200.264.000**	**(55.530.000)**	**6.763.664.257**	**52.255.358.257**
- Lỗ trong năm trước	-	-	-	(7.799.695.801)	**(7.799.695.801,00)**
Số dư tại ngày 31/12/2011	**45.346.960.000**	**200.264.000**	**(55.530.000)**	**(1.036.031.544)**	**44.455.662.456**
- Lãi trong năm nay	-	-	-	(4.027.965.661)	**(4.027.965.661)**
Số dư tại ngày 31/12/2012	**45.346.960.000**	**200.264.000**	**(55.530.000)**	**(5.063.997.205)**	**40.427.696.795**

Mẫu B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2012
(tiếp theo)

10.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Vốn góp của nhà nước	21.163.160.000	21.163.160.000
Vốn góp của các cổ đông	24.183.800.000	24.183.800.000
Cộng	**45.346.960.000**	**45.346.960.000**

10.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	**45.346.960.000**	**45.346.960.000**
Vốn góp đầu năm	45.346.960.000	45.346.960.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	45.346.960.000	45.346.960.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

10.4 Cổ tức

Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm: 0 đồng

10.5 Cổ phiếu

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.534.696	4.534.696
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.534.696	4.534.696
- Cổ phiếu phổ thông	*4.534.696*	*4.534.696*
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	5.553	5.553
- Cổ phiếu phổ thông	*5.553*	*5.553*
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.529.143	4.529.143
- Cổ phiếu phổ thông	*4.529.143*	*4.529.143*

- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng

Mẫu B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2012
(tiếp theo)

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

11. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Doanh thu thuần bán hàng hoá	1.551.742.292	13.474.728.423
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	16.057.148.439	15.554.512.761
Doanh thu thuần khác	10.657.356	-
Cộng	**17.619.548.087**	**29.029.241.184**

12. Giá vốn hàng bán

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Giá vốn bán hàng hoá	1.297.407.352	14.163.083.454
Giá vốn cung cấp dịch vụ	14.179.556.145	13.496.906.478
Giá vốn khác	9.082.500	-
Cộng	**15.486.045.997**	**27.659.989.932**

13. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	184.129.436	53.909.728
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	3.944.717	549.820.061
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	23.535.925	91.723.803
Cộng	**211.610.078**	**695.453.592**

14. Chi phí tài chính

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lãi tiền vay	10.385.863	257.101.390
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	12.791.979	192.586.413
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.415.382	35.428.376
Chi phí tài chính khác	26.090.000	80.892.718
Cộng	**50.683.224**	**566.008.897**

Mẫu B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2012
(tiếp theo)

15. *Chi phí bán hàng*

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Chi phí nhân viên	674.272.876	1.300.816.449
Chi phí vật liệu, bao bì	-	-
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	12.814.100	46.460.542
Chi phí khấu hao TSCĐ	43.865.923	100.916.078
Chi phí bảo hành	22.116.808	42.609.374
Chi phí dịch vụ mua ngoài	650.528.332	564.224.260
Chi phí bằng tiền khác	999.565.122	1.764.508.863
Cộng	**2.403.163.161**	**3.819.535.566**

16. *Chi phí quản lý doanh nghiệp*

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Chi phí quản lý doanh nghiệp	2.121.474.293	2.932.437.315
Chi phí vật liệu quản lý	9.408.455	30.759.301
Chi phí đồ dùng văn phòng	77.854.319	68.988.072
Chi phí khấu hao TSCĐ	29.326.231	142.149.442
Thuế, phí và lệ phí	8.500.000	8.055.000
Chi phí dự phòng	-	263.567.271
Chi phí dịch vụ mua ngoài	982.343.238	1.559.184.877
Chi phí bằng tiền khác	587.511.672	903.301.489
Cộng	**3.816.418.208**	**5.908.442.767**

17. *Thu nhập khác*

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Thu tiền phạt vi phạm hợp đồng	5.040.000	45.834.585
Thu tiền từ hợp tác liên doanh	385.760.000	268.320.000
Thu khác	188.875.542	115.432.000
Cộng	**579.675.542**	**429.586.585**

18. *Chi phí khác*

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Thuế GTGT bị truy thu năm 2007-2008	127.933.075	-
Thuế TNDN bị truy thu năm 2007-2008	126.640.714	
Tiền phạt chậm nộp thuế của năm 2007-2008	421.519.556	
Tiền phạt do vi phạm HĐ với VMS	5.400.000	
Các chi phí khác	2.383.907	
Cộng	**683.877.252**	-

Mẫu B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2012
(tiếp theo)

19. ***Thông tin so sánh***

Là số liệu được lấy trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2011 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Đất Việt.

TP.Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 03 năm 2013

Kế toán trưởng	CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG VTC Tổng giám đốc
Trần Thị Phương Sương	Trần Viết Tống